

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-PT
Ngày 29 – 02 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Cẩn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn, ông Vũ Văn Mạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Màu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 191/2023/TLPT-HS ngày 06/12/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Quốc K, sinh ngày 26/6/2005 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Xóm Lâm, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 ngày 11/5/2020 Nguyễn Quốc K bị Công an huyện V xử phạt cảnh cáo về hành vi đánh nhau. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương, (bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Khánh D, sinh ngày 04/7/2005 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương, (bị cáo có mặt).

3. Trần Lê Trọng H, sinh ngày 27/6/2006 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

nam; con ông Trần Văn V và bà Lê Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương, (bị cáo có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị được Hội đồng xét xử xem xét khi xét xử phúc thẩm:

1. Lương Quốc K1, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1 và bà Ngô Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023, hiện đang chấp hành án tại Trại giam V1, (vắng mặt).

2. Trần Minh Q1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2004; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Duy T3 và bà Ngô Thị H1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2023, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q2; (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Lê Trọng H: Bà Lê Thị B1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; là mẹ của bị cáo H, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H: Bà Kim Hồng T4 và bà Nguyễn Thị Thúy H2 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V.

Ngoài ra vụ án còn có bị cáo khác, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phương Ngọc S, Nguyễn Quốc K, Lương Quốc K1, Hoàng Văn P1, sinh năm 2003; cư trú tại thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai và Vũ Trung H3, sinh năm 2003, cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai đều là công nhân thời vụ tại Văn phòng C - Khu công nghiệp H, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 19h30' ngày 12/4/2022, S, Nguyễn Quốc K, Lương Quốc K1, P1, Vũ Trung H3 cùng ngồi uống nước tại quán nước gần cổng Khu công nghiệp T. Tại đây Lương Quốc K1 kể lại sự việc Lương Quốc K1 và S bị anh B2 A T5 dọa đánh, đồng thời Sáng rủ “Hay bây giờ ra công công ty đợi đánh thằng T5” thì Nguyễn Quốc K, Lương Quốc K1, P1, Vũ Trung H3 đều đồng ý. Lúc này S thấy cần rủ thêm người đánh T5 nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ trắng (không rõ BKS) về Văn phòng tuyển dụng T9, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B rủ Trần Minh Q1 và Nguyễn Khánh D đi đánh Ton thì cả hai đều đồng ý. Sáng điều khiển xe chở Q1, D quay lại quán nước thì thấy có Trần Lê Trọng H ngồi uống

nước cùng Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, P1, Vũ Trung H3. Sáng nói “T6 đi ra công ty nó luôn đến giờ tan làm rồi” thì Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, Q1, D, Trần Lê Trọng H đồng ý đi đến công Công ty TNHH S2, tại khu công nghiệp B đợt T, P1 và Vũ Trung H3 không đi cùng mà về đi làm.

Khoảng 20h15’ cùng ngày, S nhìn thấy T5 điều khiển xe đi ra cổng thì hét to “Đ.con mẹ nó đây rồi”, lập tức Sáng điều khiển xe mô tô BKS: 24V1-218.30 của P1 chở Lương Quốc K1, Trần Lê Trọng H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, BKS: 88L1-663.03 của H đuổi theo T10. Q1 điều khiển xe nhãn hiệu Honda wave, màu đỏ trắng (không rõ BKS) chở D và Nguyễn Quốc K đuổi theo phía sau nhưng không đuổi kịp nên đi dọc theo đường N để tìm. Tôn thấy Sáng, Trần Lê Trọng H, Lương Quốc K1 đuổi theo thì bỏ chạy về phòng trọ đang thuê tại gia đình anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 1984, ở tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B. Khi đuổi đến nơi Trần Lê Trọng H đứng ở cổng, Lương Quốc K1 và S đi vào sân khu trọ, S chỉ tay về hướng Tôn đang đứng trên tầng 2 nói “Mày xuống đây tao bảo, mày xuống đây”, T5 đáp “T7 làm sao anh”, S nói “Mày xuống đây tao nói chuyện với mày”. Lúc này anh K2 đi ra thì S nói với anh K2 “Em gặp thằng này tý, em không làm gì thằng này, em gọi nó ra nói chuyện thôi”, Lương Quốc K1 nói “Nó đi nhanh tý gây tai nạn người ngoài kia”. Anh K2 tin lời Lương Quốc K1 nói là thật nên bảo T5 đi xuống ra cổng nói chuyện với S, Lương Quốc K1 để tránh ảnh hưởng tới an ninh khu trọ rồi anh K2 đi vào trong nhà, còn T5 đi xuống cổng khu nhà trọ gặp Sáng, Lương Quốc K1 và H để nói chuyện thì S lấy tay đẩy vào phần lưng bắt T5 ngồi lên xe mô tô và nói “Đ. mẹ đi ra đây tao bảo, đ. mẹ mày ra đây không, lên xe tao bảo”. Tôn miễn cưỡng ngồi lên xe mô tô thì Lương Quốc K1 điều khiển xe, còn S ngồi sau giữ để T5 không bỏ chạy. Sau đó S và Lương Quốc K1 chở T5, Trần Lê Trọng H đi một mình phía sau đến bãi đất trống gần cầu S thuộc tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B. Tại đây Lương Quốc K1, S, H dùng chân tay không đánh đá Tôn thì T5 ôm đầu ngồi xồm. Sáng gọi điện cho Nguyễn Quốc K, D, Quang thông b đã bắt được T5 và nói địa điểm để Nguyễn Quốc K, D và Q1 đến, khi đến Nguyễn Quốc K, D tiếp tục dùng chân tay không đá, đánh T5. Sau đó S nói với Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, D, Q1, Trần Lê Trọng H “Bây giờ bắt nó đi uống bia rồi cho nó trả tiền”, thì tất cả đồng ý. Do thấy T5 có xe mô tô nên S nảy sinh ý định đem cầm cố xe mô tô của T5 sau khi uống bia nên nói: “Bây giờ chở thằng T5 về phòng trọ của thằng T5 lấy xe của nó”, tất cả đều đồng ý. Sáng quay sang nói với T5: “Thôi đi uống bia cùng bọn anh”, T5 không muốn đi cùng nên nói: “Cho em về mai em đi làm”, thì S nói: “Bây giờ đi uống bia làm quen”, sau đó Sáng yêu cầu T5 về phòng trọ lấy xe mô tô. Mặc dù T5 không muốn đi nhưng sợ tiếp tục bị đánh và biết không thể bỏ trốn được nên miễn cưỡng phải đi theo Sáng, D về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ D đứng ở cổng trông chừng còn Sáng đi cùng T5 vào trong sân khu trọ lấy xe mô tô của T5. Lương Q, Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H, Q1 đi đến vòng xuyên Khu công nghiệp B đợt Sáng, D và T5. Khi S, D và T5 ra đến nơi thì S điều khiển xe Honda wave (không rõ BKS), Q1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Zonox, màu sơn nâu, BKS: 21V7-2092 của T5 chở T5 đi về Văn phòng C để Sáng cất xe của S. Sau đó S và Q1 đi xe

mô tô của T5 chở T5 ngồi giữa đi đến vòng xuyên Khu công nghiệp B gặp Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, D và Trần Lê Trọng H. Lúc này Lương Quốc K1 nói “Thôi bây giờ đi hát, đến quán T11”, tất cả đồng ý. Khi đến quán T11, thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B do chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973 làm chủ, S nói với T5: “Đưa điện thoại đây cho tao” mục đích để T5 không thể gọi người giúp đỡ và sử dụng để cầm cố cho chủ quán hát trừ vào tiền hát. T5 lấy từ trong túi quần ra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 Plus màu xanh đen đưa cho Sáng. Sáng đến gặp chị Đ đặt vấn đề thuê 01 phòng để hát thì được chị Đ sắp xếp cho phòng V2. Vào phòng hát được khoảng 5 phút thì Q1 có việc nên nhờ Nguyễn Quốc K chở về rồi Nguyễn Quốc K quay lại quán hát tiếp. Trong khi hát để tạo niềm tin và để không chế T5, Lương Quốc K1 nói “Chơi vui lên đi, đã quen biết nhau rồi, không ai đánh nữa đâu mà phải sợ” rồi rót bia mời T5. Sáng, Nguyễn Quốc K, D, Trần Lê Trọng H cũng lần lượt rót bia rồi mời ép T5 uống đến khi T5 say nằm trên ghế sofa. Tất cả tiếp tục hát, uống bia đến khoảng 0h40 ngày 13/4/2022, thì nghỉ ra về. Khi chị Đ thông báo số tiền hát, tiền bia hết 7.000.000 đồng, như đã bàn bạc trước đó là để T5 trả tiền nên Trần Lê Trọng H cầm hóa đơn đi đến dùng tay tát vào mặt T5 và nói “Trả tiền đi” thì T5 nói: “Em làm gì có tiền”. Lúc này do sợ bị chị Đ phát hiện việc bắt T5 đi hát để trả tiền nên H nói: “Sao mày bảo mày mời bọn tao đi hát”, D nói: “Sao mày bảo mày trúng lô mày mời bọn tao”, T5 không nói gì. Biết T5 không mang theo tiền nên Sáng đưa điện thoại đã lấy trước đó của T5 cho D rồi D đi đến quây lễ tên và nói với chị Đ: “Cho cháu cầm điện thoại và con xe Dream này ở đây” (cầm cố điện thoại và xe mô tô của T5 để trừ vào tiền hát). Chị Đ không đồng ý nên D đưa lại điện thoại của T5 cho Lương Quốc K1 cầm rồi cùng S mang xe của T5 đi tìm địa điểm để cầm cố nhưng do đã muộn nên không của hàng cầm đồ nào còn mở, nên D chở S đến thuê phòng nghỉ ở tổ dân phố M, thị trấn B để ngủ qua đêm còn D điều khiển xe của T5 đi về ngủ tại Văn phòng T9. Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H đợi không thấy S và D quay lại nên đã để lại xe mô tô của H, P1 cho chị Đ để làm tin rồi bắt xe taxi đưa T5 đi về phòng trọ của P1 tại thôn Q, xã T, huyện B để ngủ. Lúc này P1 chưa đi làm về, Lương Quốc K1, Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H yêu cầu T5 phải vay 7.000.000 đồng để trả tiền hát. Tuy nhiên do T5 đã say nên Lương Quốc K1 để T5 nằm ngủ dưới sàn nhà, Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H đóng cửa nằm trên giường ngủ, còn Lương Quốc K1 đi bộ về phòng trọ của bạn gái để ngủ. Đến khoảng 5h30’ ngày 13/4/2022, P1 đi làm về thì thấy T5, Nguyễn Quốc K và H vẫn nằm ngủ nên nằm ngủ cùng. Đến khoảng 7h cùng ngày Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H dậy đi về Văn phòng tuyển dụng Hoàng H4, lúc này P1 và T5 vẫn nằm ngủ. Sau đó, Trần Lê Trọng H gọi điện cho D yêu cầu D mang xe mô tô của T5 đến văn phòng để H đem đi cầm cố lấy tiền chuộc xe của Trần Lê Trọng H để lại tại quán hát của chị Đ thì D đem xe của T5 giao cho Trần Lê Trọng H. Trần Lê Trọng H để lại xe tại Văn phòng C rồi vay anh Phùng Sỹ H5, sinh năm 1975, trú tại: phố T, phường H, thành phố V (là quản lý văn phòng) số tiền 1.800.000 đồng và anh Trần Văn N1, sinh năm 1993, trú tại: Khu A, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (là nhân viên văn phòng) số tiền 1.200.000 đồng đến quán T11 trả cho chị Đ 3.000.000 đồng rồi lấy xe mô tô của H về văn phòng C.

Khoảng 07h40 cùng ngày, Lương Quốc K1 đi bộ đến phòng trọ của P1 thấy P1, T5 vẫn đang ngủ thì gọi Ton dậy yêu cầu Ton: “Mày phải xoay 2 triệu cho anh chuộc xe”, T5 nói “Để em nhắn tin hỏi vay” thì Lương Quốc K1 đưa điện thoại của T5 cho T5 để Ton liên hệ vay tiền nhưng không vay được. Lúc này Lương Quốc K1 nhắn tin cho S, H nói “Hay là cho nó viết giấy nhận nợ” thì S, H đồng ý. Lương Quốc K1 tìm giấy bút yêu cầu T10 viết giấy nhận nợ nhưng không tìm được giấy nên không bắt T5 viết nữa, sau đó Lương Quốc K1 bỏ đi. Lúc này T5 không dám bỏ trốn vì biết nhóm của S đã biết phòng trọ của mình sẽ bị bắt lại nên ở lại tại phòng trọ. T5 cùng P1 ngủ đến khoảng 16h30 cùng ngày thì T5 tỉnh dậy, T5 thấy không có ai trông giữ và Lương Quốc K1 không quay lại nên T5 đã cầm điện thoại và đến Công an huyện B trình báo sự việc.

Anh Bàn A T8 xác nhận mặc dù bị Sáng, Nguyễn Quốc K, Lương Quốc K1, D và Trần Lê Trọng H dùng chân tay đánh nhưng anh không bị thương tích gì nên anh T8 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Lương Quốc K1, Trần Minh Q1 phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”; Trần Lê Trọng H phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 103 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Quốc K 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Nguyễn Khánh D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Trần Minh Q1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Q1 phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 103 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Quốc K1 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Lương Quốc K1 phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/01/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Lê Trọng H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt với các bị cáo khác, xác nhận bồi thường trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, rút yêu cầu xin hưởng án treo; bị cáo Trần Lê Trọng H chỉ xin hưởng án treo, rút yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D về giảm nhẹ hình phạt tội “Cướp tài sản”, chấp nhận kháng cáo của Trần Lê Trọng H về xin hưởng án treo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo không kháng cáo là Lương Quốc K1, Trần Minh Q1; đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm giảm hình phạt, cho hưởng án treo các bị cáo nêu trên đối với tội “Cướp tài sản”, giữ nguyên hình phạt các bị cáo đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, cụ thể như sau:

Giảm hình phạt cho bị cáo Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D từ 03 đến 06 tháng tù so với mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định.

Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trần Lê Trọng H, cho bị cáo H được hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường và các tang vật đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ căn cứ kết luận: Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn nhỏ nhất nên khoảng 20h15' ngày 12/4/2023 tại tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, Phương Ngọc S sinh ngày 13/11/2004 (17 tuổi, 4 tháng, 30 ngày); Lương Quốc K1 sinh năm 1997 và Trần Lê Trọng H, sinh ngày 27/6/2006 (15 tuổi, 9 tháng, 16 ngày) có hành vi bắt ép anh Bàn A T8 lên xe mô tô BKS: 24V1-218.30 rồi Lương Quốc K1 chở S và anh T8 về bãi đất trống gần cầu S thuộc tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B. Tại đây, Phương Ngọc S, Lương Quốc K1, Trần Lê Trọng H, Nguyễn Khánh D (16 tuổi, 9 tháng, 8 ngày), Trần Minh Q1 (17 tuổi, 4 tháng, 22 ngày) và Nguyễn Quốc K (16 tuổi, 9 tháng, 17 ngày) tiếp tục có hành vi dùng chân tay đánh anh Bàn A T8, sau đó bắt anh T8 đi uống bia, hát karaoke để ép trả tiền và chiếm đoạt tài sản của anh T8 gồm: 01 xe mô tô BKS: 21V7-2092, trị giá 1.233.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, trị giá 583.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Phương Ngọc S, Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H chiếm đoạt là 1.816.000 đồng.

[4] Hành vi của Phương Ngọc S, Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Quốc K, Trần Lê Trọng H đe dọa, bắt ép anh Bàn A T8 lên xe mô tô rồi chở đến vị trí bãi đất trống gần cầu S thuộc tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó dùng chân tay đấm, đá làm anh T8 sợ không dám kháng cự rồi bắt ép anh T8 đi uống bia, hát karaoke, rồi đưa về phòng trọ của P1 thời gian diễn ra từ 20h15' ngày 12/4/2023 đến 16h30' ngày 13/4/2023 không còn ai canh giữ T8 mới ra về và trình báo công an. Quá trình bắt giữ người trái phép các bị cáo đã chiếm đoạt của anh T8 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động có tổng trị giá là 1.816.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[5] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phương Ngọc S, Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D về tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Trần Lê Trọng H về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H về hành vi "Bắt giữ người trái pháp luật" do khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H chưa đủ 16 tuổi là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với bị cáo Phương Ngọc S giữ vai trò chính là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác đến công ty T10 đang làm đợi để đánh Ton, chủ

động bắt ép T8 lên xe chở đến bãi đất trống gần cầu S đánh T8, về phòng trọ T8 lấy xe moto của T8 và lấy điện thoại, bắt T8 đi uống bia, hát karaoke bắt T8 trả tiền, đem xe moto của T8 đi cầm cố nhưng không được. Với tính chất vai trò phạm tội của bị cáo, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là tương xứng tính chất, hành vi phạm tội, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo S không kháng cáo, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét lại hình phạt đối với bị cáo S.

[7] Đối với các bị cáo Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho bị hại; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, không giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, thực hiện hành vi phạm tội do xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất là có sự dọa đánh lẫn nhau, sau đó phát sinh hành vi bắt giữ người trái pháp luật, chiếm đoạt tài sản, mục đích bắt giữ người, chiếm đoạt tài sản không được bàn bạc, nảy sinh từ trước. Việc thực hiện hành vi bắt giữ người, cướp tài sản một phần do tuổi đời còn trẻ, thiếu hiểu biết, chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích ăn tiêu vật, chơi bời (uống bia, hát karaoke), tài sản có giá trị không lớn; trong đó Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H đều là người chưa thành niên, Lương Quốc K1 đã thành niên nhưng tham gia với vai trò không tích cực, không thực hiện hành vi đánh anh T8 như các bị cáo khác; Lương Quốc K1, Q1, D, H là người có nhân thân tốt, riêng bị cáo Nguyễn Quốc K là người có nhân thân xấu do đã bị Công an huyện V xử phạt cảnh cáo về hành vi đánh nhau, nhưng bị cáo kháng cáo có xuất trình thêm tình tiết mới là bị cáo giao nộp cho Tòa án Đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận về việc ông bà nội của bị cáo là Nguyễn Văn L và Phùng Thị S1 là người có công với cách mạng, được tặng bằng khen và huân huy chương kháng chiến. Ông Nguyễn Văn L tham gia dân công hỏa tuyến có Giấy chứng nhận của Bộ và được Nhà nước khen thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, bà Phùng Thị S1 được tặng huân huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra, các bị cáo này không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét thấy các bị cáo Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D đều phạm hai tội, trong đó tội cướp là rất nghiêm trọng, không đủ điều kiện để được hưởng án treo nên cần phải cách ly các bị cáo này khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo công tác giáo dục, đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Nhưng xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích trên. Đối với hình phạt của các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đã có phần giảm nhẹ, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giảm hình phạt cho mỗi bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù so với mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định về tội “Cướp tài sản”, giữ nguyên hình phạt của các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D về giảm hình phạt và giảm hình phạt cho các bị cáo Lương Quốc K1, Trần Minh Q1 không có kháng cáo đối với tội “Cướp tài sản”; giữ nguyên hình phạt của các bị cáo đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

[9] Đối với bị cáo Trần Lê Trọng H6 chỉ phạm một tội là tội “Cướp tài sản”, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên, sau khi bản án sơ thẩm xét xử bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo nộp kèm theo Đơn kháng cáo là Đơn xin xác nhận của ông Trần Văn K3 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Hà Nội xác nhận về việc ông K3 là ông nội của bị cáo H6 là thương binh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 mà bị cáo được hưởng. Xét bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cần giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách án treo, giao địa phương theo dõi trong thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H6 về xin hưởng án treo.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không được Hội đồng xét xử xem xét lại có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 181/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”; Trần Lê Trọng H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 103 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Nguyễn Quốc K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt Nguyễn Khánh D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Lê Trọng H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Giao bị cáo Trần Lê Trọng H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

+ Trong thời gian thử thách, người được thi hành án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 181/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo không có kháng cáo là Lương Quốc K1, Trần Minh Q1.

- Tuyên bố các bị cáo Lương Quốc K1, Trần Minh Q1, phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 103 Bộ luật hình sự; xử phạt Lương Quốc K1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lương Quốc K1 phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/01/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 103 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Minh Q1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trần Minh Q1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/02/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Khánh D, Trần Lê Trọng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 181/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc không bị kháng cáo, không bị sửa có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Công an huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; Toà hình sự, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Huy Cần